

Số: 96/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 128/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1991

2. Chị Bùi Thị Kim O, sinh năm 1993

Cùng ĐKKHKT: Số 3B, đường V, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đỗ Văn T và chị Bùi Thị Kim O được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là phường X), thành phố B ngày 12/11/2012. Tại thời điểm kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm các điều cấm kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay Anh T và chị O đều xác định tình cảm không còn, không đồng ý đoàn tụ và thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Văn T và chị Bùi Thị Kim O thỏa thuận anh Đỗ Văn T trực tiếp nuôi cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 26/8/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T, chị O đều xác định không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T, chị O đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy sự thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đỗ Văn T và chị Bùi Thị Kim O thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Đỗ Văn T trực tiếp nuôi cháu Đỗ Minh T, sinh ngày 26/8/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Văn T và chị Bùi Thị Kim O mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng Anh T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001185 ngày 08/4/2020 và 150.000 đồng chị O đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001188 ngày 08/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND phường X, tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Thị Luyện